

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán công trình:
Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP; Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 12/2009/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây Dựng về việc: Hướng dẫn lập và quản lý chi phí ĐTXD công trình;
Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
Căn cứ Quyết định 3687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
Căn cứ kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án: Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Sở Xây dựng Thanh Hóa tại Văn bản số 3155/SXD-TĐ ngày 24/6/2015;
Xét Hồ sơ và kèm theo Tờ trình số 26/TTr-BQL ngày 26/6/2015 của Trưởng Ban QLDA ĐTXD về việc xin phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Công Thương huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Trung tâm y tế huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Nga Sơn.

3. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Đơn vị tư vấn khảo sát địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long;

6. Đơn vị tư vấn thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng Thanh Hóa;

7. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện các chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng chống HIV/AIDS; phòng chống bệnh xã hội; an toàn vệ sinh thực phẩm; chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn.

8. Quy mô đầu tư:

Cấp công trình: Công trình dân dụng, Cấp III.

Xây dựng mới nhà làm việc, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn quy mô 2 theo quy định tại Quyết định số 2367/QĐ-BYT ngày 4/7/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành mô hình - tiêu chuẩn thiết kế Trung tâm y tế dự phòng tuyến quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh;

9. Giải pháp thiết kế.

9.1. Hạng mục: Khối nhà chính

a. Giải pháp kiến trúc.

Diện tích xây dựng là: 324m².

Diện tích sàn là: 1.250m².

Công trình có quy mô 4 tầng, có kích thước 12,11x26,32m. Chiều cao mỗi tầng là 3,6m. Tổng chiều cao công trình từ cos ±0.00 đến đỉnh mái là 14,95m. Cốt sân so với nền là -0,45m.

Mặt bằng tầng 1 bố trí 08 phòng làm việc, 01 sảnh chính tại trục 4-5, 02 sảnh phụ tại trục B-C. Tầng 2 bố trí 09 phòng làm việc. Tầng 3 bố trí 05 phòng làm việc, 04 labo thí nghiệm và 02 kho. Tầng 4 bố trí 05 phòng làm việc, 01 phòng họp lớn và 01 phòng phục vụ hội trường.

Giao thông đứng bằng 01 cầu thang bộ rộng 4,5m bố trí tại trục (C-D)x(4-5). Bản thang đổ BTCT tại chỗ, bậc thang xây gạch, mặt bậc, cổ bậc ốp

đá Granit tự nhiên màu ghi sáng. Lan can cầu thang dùng inox D42, D22, D10, tay vịn inox D76. Cầu thang thoát hiểm bố trí bên ngoài công trình tại trục 8, mặt bằng có kích thước 2,186x5,45m. Dầm, trụ, sàn thang được chế tạo bằng thép CT3. Liên kết với Dầm BTCT nhà chính bằng bulong M16. Giao thông ngang bằng hành lang giữa nhà rộng 2,4m.

Tường dày 220 xây gạch không nung VXM mác 50#, tường dày 110 xây gạch tuynel VXM mác 50. Trát tường trong nhà VXM mác 50#, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75#. Tường trong và ngoài nhà lăn sơn trực tiếp. Mặt đứng lăn sơn, ốp gạch inax theo chỉ định của thiết kế.

Nền, sàn lát gạch Ceramic liên doanh kích thước 500x500mm.

Khu vệ sinh được bố trí tại trục (1-2)x(C-D) gồm 2 ngăn nam, nữ riêng biệt. Nền vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x400mm cao 2,0m. Trần kỹ thuật vệ sinh đồ BTCT tại chỗ.

Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường kính dày 6,38mm. Hoa sắt cửa sổ dùng thép vuông 14x14 sơn tĩnh điện 2 nước màu ghi.

Bậc tam cấp sảnh chính và sảnh phụ xây gạch đặc, mặt bậc, cổ bậc ốp đá granit màu đỏ ruby. Đường dốc lên sảnh chính đổ bê tông đá 1x2 mác 200 trên lớp bê tông đá 4x6 mác 100 và lớp cát vàng đầm chặt, lán vữa xi măng cát mác 75# hoàn thiện bề mặt.

Mái đồ BTCT tại chỗ, chống nóng bằng 02 lớp gạch lá nem, xây cầu gạch 6 lỗ và các lớp chống thấm mái.

b) Giải pháp kết cấu.

Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT mác 250 đúc sẵn tiết diện 250x250 dài 12,0m. Dầm giằng, đài móng BTCT đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ. Tường móng xây gạch đặc VXM mác 50#.

Kết cấu khung BTCT chịu lực. Hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ. Tiết diện dầm điển hình 220x350mm, 220x450mm, 220x300mm; 350x550mm. Tiết diện cột điển hình 220x450mm. Sàn BTCT và bản BTCT cầu thang bộ dày 100mm và 120mm.

c) Giải pháp điện, chống sét.

Nguồn điện cấp đến công trình được lấy từ Trạm biến áp bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC (3x50+1x35)mm² đi trong ống nhựa xoắn D60 đi ngầm nền. Dây dẫn từ tủ điện tầng đến các phòng dùng dây Cu/XLPE/PVC (2x10) + E-Cu/PVC 1x6mm² luồn trên máng. Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x2.5mm², Cu/PVC 2x1.5mm². Hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống nhựa đi ngầm trong tường và trần.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét ϕ 14 dài 0,8m, dây dẫn sét thép ϕ 10. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, dây tiếp địa thép 40x4.

d) Giải pháp cấp thoát nước.

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ giếng khoan, bơm vào bể nước ngầm và được bơm lên téc nước inox đặt trên mái sau đó cấp xuống các thiết bị dùng nước. Riêng các labo xét nghiệm có hệ thống cấp nước vô khuẩn riêng. Ống cấp nước sử dụng ống nhựa PPR.

Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Riêng nước thải từ các labo xét nghiệm được thu gom về trạm xử lý nước thải và thải ra hệ thống thoát nước khu vực. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thoát xuống rãnh thoát nước xung quanh nhà.

e) Hệ thống thông tin liên lạc.

Mỗi phòng làm việc lắp đặt 01 ổ cắm mạng máy tính (đặt cách sàn hoàn thiện 30cm), switch 12 ports được đặt tại hành lang các tầng. Hộp đấu nối cáp trung tâm (IDF) đặt tại trục kỹ thuật tại lỗ xuyên tầng. Cáp đến các thuê bao được luồn trong ống gen hộp đi nối theo mép dầm. Cáp trục giữa các tầng sử dụng cáp 50 đôi được luồn trong máng PVC ghim nổi cố định theo lỗ thông xuyên tầng của tòa nhà.

f) Giải pháp phòng cháy chữa cháy.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà gồm: 01 họng chữa cháy vách tường tại cầu thang các tầng; Mỗi tầng bố trí 02 giá đựng bình chữa cháy gồm: 02 bình bột chữa cháy MFZ4, 01 bình bọt chữa cháy CO2MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt tại cầu thang.

g) Giải pháp chống mối.

Tiến hành phòng chống mối nền nhà, lập hàng rào phòng mối bên trong và bên ngoài công trình, đào hào xung quanh móng có kích thước $b \times h = 0,5 \times 0,8\text{m}$ và $0,3 \times 0,4\text{m}$.

9.2. Hạng mục: Nhà bảo vệ

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng có kích thước $3,5 \times 3,5\text{m}$. Chiều cao tầng 3,0m, chiều cao mái 1,5m, chiều cao công trình tính từ $\text{cos} \pm 0.00$ đến đỉnh mái 4,5m. Cos sân so với nền là -0,2m.

Tường dày 220 xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 50#. Trát tường trong nhà VXM mác 50#, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75#. Tường trong và ngoài nhà lãn sơn trực tiếp. Nền lát gạch ceramic kích thước 400x400mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường kính dày 5mm.

Mái đỡ BTCT, xây tường thu hồi dày 110, gác xà gỗ thép hộp 30x30x2, lợp tôn liên doanh dày 0,4mm.

Kết cấu móng sử dụng giải pháp móng xây gạch vữa XM mác 50 dưới tường. Giằng móng đỡ BTCT mác 200 đá 1x2 tiết diện 220x140. Kết cấu thân là hệ tường xây gạch chịu lực. Tường dày 220, xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 50. Hệ dầm giằng, sàn BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ. Sàn BTCT dày 100mm.

Nguồn điện cấp đến công trình được lấy Trạm biến áp công trình bằng cáp loại Cu/XLPE (3x10+1x6) đi ngầm trong ống nhựa xoắn. Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x2,5mm², Cu/PVC 2x1,5mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống nhựa đi ngầm trong tường và trần.

9.3. Hạng mục: Nhà để xe cán bộ, Nhà để xe của khách.

Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 5,0x14,4m (đối với Nhà để xe cán bộ); kích thước 5,0x24,3m (đối với Nhà để xe của khách). Chiều cao công trình tính từ cos ±0.00 đến đỉnh mái 2,8m. Cos sân so với nền là -0,15m.

Nền đổ bê tông đá 1x2 mác 200, bề mặt láng vữa xi măng mác 75# dày 20. Thoát nước mái dùng ống PVC D90.

Kết cấu khung cột thép mạ kẽm D90 dày 3,0mm, kèo mái thép bản dày 8mm, xà gỗ thép U80x40x3, lợp tôn liên doanh dày 0,4mm. Móng cột thép đỡ BTCT mác 200 đá 1x2.

9.4. Hạng mục: Cổng, tường rào.

Tường rào xây gạch đặc bố trí tại các đoạn M2-M3, M3-M4, M4-M1. Tường xây gạch dày 110, cao 1,8m, quét ve màu vàng, hoa sắt hộp 20x20 cao 0,45m. Trụ tường xây gạch, kích thước 330x330, quét ve màu vàng. Khoảng cách giữa các trụ tường 3,3m.

Tường rào thoáng, cổng chính bố trí tại đoạn M1-M2. Chân tường xây gạch đặc cao 0,45m quét ve màu vàng, trên lắp dựng hoa sắt cao 1,75m, sắt hộp 40x40, 20x20 sơn màu xanh. Tường rào cao 2,25m.

Kè tường rào xây đá hộc vữa XM mác 50#, cao 1,0m – 2,9m. Đỉnh kè đổ giằng BTCT mác 200 đá 1x2, xử lý nền móng kè bằng cọc tre tại các đoạn M2-M3, M4-N3, N3-M1.

Cổng chính sử dụng cổng đẩy trượt trên ray sắt U80x40, rộng 6,0m. Cổng phụ rộng 1,5m bằng sắt hộp 40x100, hoa sắt dùng sắt đặc 20x20, bịt tôn sơn màu xanh sẫm. Trụ cổng đỡ BTCT mác 200 đá 1x2, xây gạch bao bên ngoài cao 2,85m.

Bảng hiệu công trình xây gạch cao 2,0m tính từ cos sân hoàn thiện. Mặt đứng chính ốp đá granit màu đen, chữ đồng màu vàng ốp nổi. Bồn hoa chân biển hiệu xây gạch dày 140, rộng 250.

9.5. Hạng mục: Sân nền; Sân đường nội bộ.

San nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, đắp đất toàn bộ công trình, hệ số đầm chặt K-0,95. Cao độ san nền cao nhất +3.45, thấp nhất +3.15.

Sân, đường nội bộ: Đồ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 15cm, lót nilon chống mất nước, nền cát đen dày 2cm.

Bồn hoa, tiểu cảnh xây gạch dày 110, ốp gạch thẻ màu đỏ. Đường dạo tiểu cảnh lát gạch block.

9.6. Hạng mục: Bể nước ngầm

02 bể nước ngầm được bố trí bên cạnh Nhà xe cán bộ. Kích thước mỗi bể 5,0x4,0x4,0m. Thành bể xây gạch đặc mác 75# VXM mác 75#. Đáy, nắp, trụ, giằng bể BTCT mác 200 đổ tại chỗ. Trát, láng bên trong bể vữa XM mác 75# 02 lớp dày 25, trát ngoài bể dày 20.

9.7. Hạng mục: Bể tự hoại.

02 bể tự hoại bố trí ngầm bên dưới Khối nhà chính có kích thước 2,5x6,22x1,8m (BỂ TH1); 2,25x1,9x1,18m (BỂ TH2). Thành bể xây gạch đặc VXM mác 50#, đáy bể đổ BTCT mác 200# tại chỗ, nắp bể bằng tấm đan BTCT mác 200# đúc sẵn. Thành, đáy bể trát, láng VXM mác 75#.

9.8. Cấp điện ngoài nhà.

Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới điện khu vực vào Trạm biến áp. Hệ thống dây trung thế, hạ thế dùng cáp ngầm; Chiếu sáng bằng đèn cao áp, trên cột thép mạ kẽm.

9.9. Cấp thoát nước ngoài nhà.

Nguồn nước cấp cho công trình được lấy từ giếng khoan bơm vào bể nước ngầm, sau đó cấp đến từng hạng mục bằng ống PPR.

Thoát nước ngoài nhà: Dùng cống BTCT D400 thoát nước ngoài nhà. Toàn bộ nước thải công trình sau khi được xử lý, gom về cống D400 thoát ra hệ thống thoát nước khu vực (Kênh tưới tiêu). Hồ ga thu nước xây gạch đặc, đáy hồ ga đổ bê tông đá 1x2 mác 200, nắp đan BTCT dày 150. Ga thu nước mưa dùng nắp gang.

9.10. Hệ thống xử lý nước thải.

Lắp đặt Hệ thống xử lý nước thải bằng composite công suất 5m³/ ngày.

10. Tổng dự toán trình duyệt: 18.742.987.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Mười tám tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng.

Trong đó:

- Kinh phí xây dựng:	13.784.709.969 đồng;
- Chi phí thiết bị:	867.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	315.677.751 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.168.024.229 đồng;
- Bổ sung chi phí lập DADT:	102.000.000 đồng;

- Chi phí khác: 260.939.518 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.694.635.147 đồng.

(Có kết quả thẩm định chi tiết của Sở Xây dựng kèm theo).

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh đầu tư theo kế hoạch và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Ban QLDA ĐTXD huyện Nga Sơn có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự quản lý đầu tư xây dựng. Tổ chức quản lý theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản pháp luật quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND; Trưởng phòng Công thương; Trưởng phòng Tài chính KH; Trưởng Ban QLDA ĐTXD huyện Nga Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, C.Thg.

CHỦ TỊCH

Bùi Đình Cam